TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1976
Trú tại: Phòng A301 khu cư xá A, Nhà máy điện Bà Rịa, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chồngỗ ở: 40 Lê Duẩn, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S – sinh năm 1975
Trú tại: Phòng A301 khu cư xá A, Nhà máy điện Bà Rịa, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà H có mặt, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 31tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành S chồngính thức chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ngày 17/02/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2005 sau khi bà H sinh con thì giữa ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S sống rất vô tư không quan tâm đến gia đình, mọi việc lớn nhỏ đều do bà H một mình tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc

vợ con. Mặt khác trong quá trình sống chung bà H có nhiều xung đột với mẹ chồng, khi xảy ra mâu thuẫn ông S luôn đứng về phía mẹ và cho rằng bà là người có lỗi. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xảy ra bất đồng, không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến năm 2009 do tình cảm vợ chồng không còn nên mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng ông bà đã sống ly thân. Năm 2015, vì muốn ly hôn nên bà H đã dọn ra ngoài ở riêng không còn chung sống với ông S nữa, bà H thấy rằng không thể tiếp tục chung sống với ông S nên có đơn yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H và ông S có 01 con chung là Nguyễn Nhật Linh, sinh ngày 15/8/2005. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên nay bà H tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông S và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:

Ông S xác nhận lời khai của bà H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và con chung. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng thì ông S cho rằng giữa hai người không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, bà H tự ý dọn ra ngoài ở riêng, vì còn tình cảm với vợ nên ông có đề nghị bà H quay về sống chung để cùng chăm lo nuôi dạy con chung nhưng bà H không đồng ý. Sau đó, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bản thân ông S không muốn ly hôn nhưng ông biết không thể hàn gắn vì vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Do đó, ông đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà H.

Về con chung là cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 15/8/2005, ông S cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng nếu cháu muốn được chung sống với mẹ thì ông cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung ông S xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông S có đơn xin xét xử vắng mặt.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chồngứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà H đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông S; về con chung: Bà H được quyền nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí bà H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, ông Nguyễn Thành S có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành S là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do giữa bà H và ông S có nhiều điểm không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc, ông bà đã ly thân hơn 2 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau, mỗi người tự lập cuộc sống riêng của mình. Bản thân ông S dù không đến Toà tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên toà hôm nay nhưng tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ông S đã trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân cũng như quyền nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Ông S xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể hàn gắn nhưng ông không thể hiện rõ việc có đồng ý ly hôn với bà H hay không mà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết

theo yêu cầu của bà H. Xét thấy, mặc dù ông S không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn, không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải mà bỏ mặc. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông S thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông S.

[3]. Về con chồngung: Bà H ông S có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 15/8/2005. Cháu đang chung sống với bà H và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ đến tuổi trưởng thành nên xét thấy cần tuyên giao Nguyễn Nhật L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Cả ông S và bà H cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành S.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành S có 01 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 15/8/2005. Theo nguyện vọng của cháu L, bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 15/8/2005 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chồnga mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003718 ngày 07/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2019), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND TP. BR
- Thi hành án DS TP.BR
- Các đương sự
- UBND nơi ĐKKH
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh